

Số: **2618**/2015/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **08** tháng **9** năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ đối với viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị quyết số 216/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002; Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 216 /2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ đối với viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/03/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy biên chế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 119/TTr-SNV ngày 25/8/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức, hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc đối tượng tinh giản biên chế hoặc không đủ tuổi tái cử và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị quyết số 215/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Ban VHXXH, Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT, TH3.  
M-QĐ168

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Long**

**QUY ĐỊNH**

**Về chính sách hỗ trợ đối với viên chức, cán bộ công chức cấp xã  
và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị quyết  
số 216/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2618~~./2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm  
2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích**

Đảm bảo thực hiện đúng chủ trương của tỉnh về tinh giản bộ máy biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/03/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh khóa XIII.

Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đội ngũ viên chức đảm bảo tinh gọn, khoa học, bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao được chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức của tỉnh.

Động viên, khuyến khích viên chức, cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, đội ngũ viên chức.

**Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy định về một số chính sách hỗ trợ đối với viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/03/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết Nghị quyết số 216/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh, như sau:

1. Chính sách hỗ trợ trong đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan hành chính nhà nước, sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ viên chức.

2. Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với cán bộ, công chức cấp xã khi thực hiện tinh giản biên chế hoặc không đủ tuổi tái cử.

3. Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

## **Chương II**

### **ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRONG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC**

#### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

Viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/03/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

#### **Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện hưởng chính sách**

Viên chức được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được cơ quan sử dụng viên chức còn chỉ tiêu biên chế dự kiến bố trí phân công công tác mới sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm mới.

2. Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng phải phù hợp với vị trí việc làm mới.

3. Có tuổi đời dưới 45 tuổi đối với Nữ; dưới 50 tuổi đối với Nam.

4. Trình độ chuyên môn, có trình độ từ: Trung cấp trở lên đối với người hiện đang công tác tại vùng khó khăn, có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,4 trở lên hoặc có trình độ từ cao đẳng trở lên đối với các địa bàn còn lại;

5. Có đủ sức khỏe để học tập, công tác theo quy định;

6. Được cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

7. Không thuộc đối tượng tinh giản do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc do sức khỏe yếu; không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc thực hiện thi hành án do vi phạm pháp luật.

#### **Điều 5. Chính sách hỗ trợ và thời gian thực hiện**

1. Chính sách hỗ trợ.

a. Được hưởng nguyên lương theo chức danh nghề nghiệp hiện hưởng và các chế độ chính sách có liên quan (các khoản phụ cấp, được cơ quan, đơn vị đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) trong thời gian đi học theo quy định hiện hành.

b. Được hỗ trợ học phí học tập theo thông báo của cơ sở đào tạo, mức hỗ trợ tối đa không quá 06 tháng lương cơ sở/năm; thời gian hỗ trợ (chỉ áp dụng trong một khóa học) tối đa không quá 02 năm/khóa học.

2. Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện chính sách (tính theo thời gian viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng) từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2016.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trước thời điểm các

Nghị quyết của tỉnh (Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/03/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 216/2015/NĐ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân tỉnh) có hiệu lực thi hành, nếu đã cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo dự kiến vị trí việc làm mới trên cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 4 thì cũng được áp dụng chính sách này.

Trường hợp cơ quan, đơn vị và địa phương đã có chính sách riêng và đã hỗ trợ cho viên chức cử đi đào tạo, bồi dưỡng thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Nếu thời gian và mức hỗ trợ bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì không cho hưởng hỗ trợ theo chính sách này.

- Nếu thời gian và mức hỗ trợ thấp hơn quy định này, thì được hưởng thêm phần chênh lệch cho bằng mức hỗ trợ, thời gian hưởng theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Điều 6. Hồ sơ cử đi đào tạo, bồi dưỡng**

### **1. Hồ sơ trình phê duyệt danh sách**

- Công văn (kèm theo danh sách dự kiến bố trí sắp xếp để cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng) của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị phê duyệt danh sách xét cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

- Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” (Đề án 25) của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bản photo Quyết định phê duyệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Đề án 25 của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Bản nhận xét đánh giá viên chức dự kiến cử đi đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị, địa phương về thực hiện nhiệm vụ, xác nhận không bị xử lý kỷ luật hoặc bị thi hành án của cơ quan tư pháp.

### **2. Hồ sơ cá nhân đề nghị cử đi đào tạo, bồi dưỡng**

- Đơn đề nghị của cá nhân.

- Bản khai Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức, viên chức theo mẫu 2C-BNV/2008 có xác nhận cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Bản sao Giấy khai sinh; Giấy khám sức khỏe của cơ quan y tế cấp huyện trở lên;

- Bản sao chứng thực văn bằng chuyên môn hiện có (từ trình độ trung cấp trở lên) theo quy định.

- Quyết định tuyển dụng viên chức, điều động hoặc tiếp nhận viên chức của cơ quan có thẩm quyền; Quyết định lương hiện hưởng.

## **Điều 7. Trách nhiệm và thẩm quyền**

1. Trách nhiệm và thẩm quyền của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a. Giám đốc Sở Nội vụ: Chủ trì hướng dẫn, thẩm định hồ sơ, tổng hợp và phê duyệt danh sách viên chức cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Quyết định này.

b. Giám đốc Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và các địa phương thẩm định, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đề nghị cấp kinh phí bổ sung và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí theo quy định.

c. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Rà soát chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ viên chức, lập danh sách viên chức thuộc đối tượng đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm mới và hoàn thiện các thủ tục có liên quan đề nghị Sở Nội vụ thẩm định và phê duyệt danh sách.

Quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng (theo danh sách đã được Sở Nội vụ phê duyệt cử đi đào tạo).

Xây dựng dự toán kinh phí, tổng hợp báo cáo Sở Tài chính cấp bổ sung kinh phí (nếu còn thiếu).

Thực hiện thanh toán kinh phí cho viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

Phân công công việc cho viên chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt theo Đề án 25, báo cáo kết quả triển khai sau khi thực hiện.

2. Đối với viên chức thuộc khối Đảng, đoàn thể, thì trình tự thủ tục... thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

### **Điều 8. Trách nhiệm của viên chức được cử đi đào tạo**

Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm dự kiến bố trí, sắp xếp.

Chấp hành nghiêm quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học.

Kết thúc mỗi năm học, khóa học phải báo cáo (bằng văn bản) kết quả học tập của viên chức tại các cơ sở đào tạo về cơ quan, đơn vị cử viên chức đi học; Hoàn thành nhiệm vụ học tập và trở về cơ quan, đơn vị, địa phương công tác.

Chấp hành sự phân công, bố trí của cơ quan, đơn vị theo đúng vị trí việc làm mới.

Trong thời gian đào tạo, nếu tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc không chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ chế độ được hưởng theo Điều b Khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

### **Chương III**

## **QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ THUỘC DIỆN TỈNH GIẢN BIÊN CHẾ HOẶC KHÔNG ĐỦ TUỔI TÁI CỬ**

### **Điều 9. Đối tượng áp dụng**

Cán bộ, công chức cấp xã thuộc diện tỉnh giản biên hoặc không đủ tuổi tái cử theo quy định.

### **Điều 10. Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ**

Cán bộ, công chức cấp xã thuộc diện tỉnh giản biên chế hoặc không đủ tuổi tái cử theo quy định của Đề án 25, đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Về tuổi đời: Đủ 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nam, đủ 48 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với nữ công tác ở vùng có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên; Đối với vùng còn lại: Đủ 58 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ.

2. Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc: Còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 2,5 năm (30 tháng) trở xuống mới đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm.

### **Điều 11. Chính sách được hưởng và thời gian thực hiện**

#### 1. Chính sách hỗ trợ

a. Được hưởng chế độ trợ cấp thôi việc ngay theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tỉnh giản biên chế.

b. Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với số tháng còn thiếu từ 2,5 năm (30 tháng) cho đủ 20 năm tham gia BHXH để đủ điều kiện giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành. Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (100%), được tính trên tỷ lệ % theo quy định của hệ số tiền lương tháng theo ngạch bậc và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp khác (nếu có) tính theo mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm được giải quyết chế độ thôi việc.

2. Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện là 30 tháng tính từ ngày Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành.

### **Điều 12. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ**

#### 1. Hồ sơ trình phê duyệt danh sách

Công văn (kèm theo danh sách các đối tượng) của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị phê duyệt danh sách cán bộ, công chức cấp xã được hưởng chính sách hỗ trợ;

Bản photo Quyết định phê duyệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về Đề án 25 của cơ quan, đơn vị, địa phương.

#### 2. Hồ sơ cá nhân

Bản khai Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2C-BNV có xác nhận cơ quan, đơn vị.

Bản sao Giấy khai sinh hoặc các giấy tờ hợp pháp khác có liên quan đến ngày tháng, năm sinh.

Bản sao chứng thực Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử, Quyết định miễn nhiệm (nếu có)...; Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã của cơ quan có thẩm quyền; Quyết định lương hiện hưởng.

Văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội của cán bộ, công chức cấp xã (tính đến thời điểm cơ quan, đơn vị đề nghị).

### **Điều 13. Trách nhiệm và thẩm quyền**

1. Trách nhiệm và thẩm quyền của Giám đốc các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

a. Giám đốc Sở Nội vụ: Chủ trì, hướng dẫn, thẩm định, tổng hợp văn bản, hồ sơ, danh sách theo đề nghị của các địa phương; phê duyệt danh sách cán bộ, công chức cấp xã được hưởng hỗ trợ theo Quyết định này và danh sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

b. Giám đốc Sở Tài chính: Hướng dẫn, thẩm định mức hỗ trợ cấp kinh phí bổ sung cho các địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Xác định đối tượng là cán bộ, công chức công tác tại các xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng được hưởng chính sách này; lập hồ sơ theo Điều 12 gửi Sở Nội vụ thẩm định và phê duyệt danh sách cán bộ, công chức cấp xã được hưởng chính sách; quyết định cho thôi việc và giải quyết các chế độ chính sách có liên quan theo quy định.

Đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo danh sách phê duyệt của Sở Nội vụ.

2. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh: Chủ trì, hướng dẫn, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố giải quyết kịp thời các thủ tục về thu bảo hiểm xã hội tự nguyện và thực hiện chính sách theo quy định.

## **Chương IV**

### **QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ**

#### **Điều 14. Đối tượng áp dụng**

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ) chưa được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

#### **Điều 15. Điều kiện hưởng chính sách**

1. Tuổi đời dưới 35 tuổi (tính đến ngày 01/01/2015).
2. Tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên.

3. Chuyên ngành đào tạo (đại học) phù hợp với công việc đang đảm nhiệm, phù hợp vị trí dự kiến bố trí làm cán bộ, công chức cấp xã.

4. Có thời gian liên tục được bố trí đảm nhiệm công việc hoạt động không chuyên trách tại các xã, phường, thị trấn theo quy định (tính từ ngày 01/01/2015 cho đến thời điểm cơ quan, đơn vị đề nghị hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, hiện đang đảm nhận làm công việc không chuyên trách ở cấp xã).

5. Được đánh giá có năng lực, phẩm chất tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có khả năng tạo nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

6. Không vi phạm các quy định của pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án do vi phạm pháp luật.

### **Điều 16. Chính sách được hưởng và thời gian thực hiện**

1. Chính sách được hưởng: Được hỗ trợ (100%) mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015 (khi Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016).

### **Điều 17. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách**

1. Hồ sơ trình phê duyệt danh sách

Công văn (kèm theo danh sách) của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt danh sách những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

2. Hồ sơ cá nhân

Đơn đề nghị của cá nhân.

Bản khai Sơ yếu lý lịch có xác nhận của xã, phường hiện đang công tác.

Bản sao Giấy khai sinh;

Bản chứng thực bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm (kết quả học tập).

Quyết định của cơ quan có thẩm quyền bố trí làm công tác hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Quyết định cho hưởng chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

### **Điều 18. Trách nhiệm và thẩm quyền**

2. Trách nhiệm và thẩm quyền của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cơ quan, đơn vị).

a. Giám đốc Sở Nội vụ: Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đảm bảo

đúng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 Quyết định này.

b. Giám đốc Sở Tài chính: Hướng dẫn, thẩm định mức hỗ trợ cấp kinh phí bổ sung theo đề nghị của các địa phương chi trả đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp kinh phí theo quy định.

c. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Chịu trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, xác định đối tượng, lập danh sách, hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục có liên quan; thẩm định và quyết định cho hưởng chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Quyết định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về kết quả triển khai thực hiện, những vướng mắc, đề xuất.

d. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh: Chủ trì, hướng dẫn, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố giải quyết kịp thời các thủ tục về thu bảo hiểm xã hội tự nguyện và thực hiện chính sách theo quy định.

## **Chương V** **NGUỒN KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 19. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện được chi từ kinh phí thường xuyên trong nguồn dự toán ngân sách tỉnh giao hàng năm của cơ quan, đơn vị tiết kiệm được từ thực hiện Đề án 25.

2. Trường hợp kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị không đủ để cân đối chi trả hỗ trợ thì cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, báo cáo và đề nghị về Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

### **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện Quy định này kể từ ngày Quyết định ban hành chính sách có hiệu lực;

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Long**